TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HL** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:71/2021/QĐST-HNGĐ	*HL, ngày 09 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HL - TỈNH TH

Căn cứ Điều 361, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Hoàng văn t, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N H 2, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chị Mai Thị H, sinh năm 1989

HKTT: Thôn N H 2, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ở hiện nay: Thôn 3, BT, xã HL, huyện HL, tỉnh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H công nhận tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H công nhận vợ chồng có một con chung là Hoàng Mai Uyển Nhi, sinh ngày 28/3/2010. Ly hôn anh Thành và chị Hồng thỏa thuận, giao cháu Uyển Nhi cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng (cũng là nguyện vọng của cháu Nhi). Anh Thành có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hồng mỗi tháng là 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H công nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H thống nhất mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H.

- Về con chung: Anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H có một con chung là Hoàng Mai Uyển Nhi, sinh ngày 28/3/2010. Ly hôn anh Thành và chị Hồng thỏa thuận, giao cháu Uyển Nhi cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng (cũng là nguyện vọng của cháu Nhi). Anh Thành có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hồng mỗi tháng là 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

Anh Thành có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung chị Hồng không được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H công nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án*:* Anh Hoàng văn t và chị Mai Thị H thống nhất: Anh Thành, chị Hồng mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh Thành, chị Hồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HL theo biên lai thu số AA/2019/0008247 ngày 23/3/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện HL
- UBND xã Tân Hương/
huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Cao Văn Sang

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].